

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/HS-ST

Ngày 23-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hứa Thị Thanh Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lành Văn Khánh;

Bà Hà Thị Hồng Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2022/TLST-HS ngày 04/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐXXST-HS ngày 07/9/2022, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng Số 42a/2022-HSST-QĐ ngày 06/9/2022 và Số 45/2022-HSST-QĐ ngày 22/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng D, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1982 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số \*, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số \*\*, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng L (đã chết) và bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1954; có vợ Bùi Thị Thu H, sinh năm 1984 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2012, bị Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác (đã được xóa tiền sự). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay. Có mặt.

2. Bùi Văn V, sinh ngày 23 tháng 6 năm 1989 tại tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T1, huyện L, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Số \*, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân S (Bùi Văn S), sinh năm 1966 và bà Lê Thị X, sinh năm 1971; có vợ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2015; tiền án,

tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Quang H, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1986 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn H1, xã H2, huyện H3, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Vy Thị L, sinh năm 1962; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 71/QĐ-XPVPHC ngày 03/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt 70.000.000 đồng về hành vi vận chuyển hàng hóa nhập lậu (đã được xóa tiền sự). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang H:* Ông Nguyễn Tài H3, Luật sư Văn phòng luật sư N, địa chỉ: Số \*, ngõ \*\*, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Đinh Hoài A, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1983 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Số \*/\*\*, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Duy H4, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị Thắng, sinh năm 1960; vợ con: Chưa có; tiền án: Bản án Số \*\*0/2013/HSST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Bản án số 178/2019/HSST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đều chưa được xóa tiền án); tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2009, bị Công an thành phố L lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bản án Số \*\*/2006/HSST ngày 02/3/2006 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa tiền án, tiền sự). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay. Có mặt.

5. Hà Thị T3, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2001 tại tỉnh Yên Bái; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ B, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H5, sinh năm 1971 và bà Đinh Thị N, sinh năm 1973; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến ngày 04/4/2022 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Thị T3:* Ông Trần Xuân T, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Nguyễn Thị Hằng N, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1997 tại tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm P, thôn P1, xã T, huyện T1, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Số \*, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (Nguyễn Thành S), (đã

chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1965; có chồng Phạm Thế V, sinh năm 1974 và 01 con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Số \*\*0/QĐ-XPHC ngày 23/8/2021 Công an huyện T1, tỉnh Hà Nam đã xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích (chưa được xóa tiền sự); nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Bồn Thị L, sinh năm 2000; địa chỉ: Số \*, T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Vi Thị T, sinh năm 2003; địa chỉ: Số \*, T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Anh Đinh Anh D, sinh năm 1984; địa chỉ: Số \*\*, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1978; vắng mặt.

5. Chị Trần Thị Phương L, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số \*/\*\*, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 20 phút ngày 07/3/2022, Công an thành phố L tiến hành kiểm tra hành chính quán Karaoke R tại Số \*/\*\*, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, phát hiện, lập biên bản đối với 09 đối tượng đang sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng Vip 2 gồm: Nguyễn Trọng D, Nguyễn Quang H, Bùi Văn V, Đinh Anh D, Đinh Hoài A, Nguyễn Thị Hằng N, Hà Thị T3, Bồn Thị L, Vi Thị T. Tang vật thu giữ tại chỗ gồm: 03 (ba) túi nilon màu trắng (kích thước 2,5cm x 2,5cm) chứa chất tinh thể màu trắng trong bao thuốc lá Hoàn Kiếm để trên bàn phòng hát (ký hiệu số 01); 01 (một) túi nilon màu trắng (kích thước 04cm x 5,5cm) có 03 (ba) túi nilon cùng có kích thước 2,5cm x 03cm chứa 06 (sáu) viên nén màu xanh hình đa giác và 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước 02cm x 2,5cm chứa chất tinh thể màu trắng để dưới nền nhà cạnh cục loa trầm (ký hiệu số 02); Chất tinh thể màu trắng trong đĩa sứ để trên bàn (ký hiệu mẫu số 03); 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng đường kính 25cm; 01 (một) bao thuốc lá hiệu Hoàn Kiếm màu vàng bên trong có 05 (năm) điếu thuốc lá; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng). Ngoài ra còn thu giữ: 01 (một) thẻ ATM ngân hàng MB màu xanh số 4089041061414082 mang tên Nguyễn Quang H; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước 02cm x 2,5cm có chất bám dính màu trắng và 01 (một) vỏ lon nước Cocacola màu đỏ đã sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số 106/KL-KTHS ngày 10/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chất tinh thể màu trắng tại phong bì ghi "mẫu số 03" gửi giám định là chất ma túy Ketamine, khối lượng 0,145 gam. 06 viên nén màu xanh hình đa giác tại phong bì ghi chữ "số 02" gửi giám định là chất ma túy MDMA, có tổng khối lượng 2,739 gam và chất tinh thể

màu trắng tại phong bì ghi chữ "số 02" gửi giám định là chất ma túy Ketamine, khối lượng 0,723 gam. Chất tinh thể màu trắng tại phong bì ghi chữ "số 01" gửi giám định là chất ma túy Ketamine, khối lượng 1,086 gam (đã trừ bì).

Tại Kết luận giám định số 222/KL-KTHS ngày 19/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 01 (một) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng) trong phong bì niêm phong gửi giám định là tiền thật.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra và xác định 09 (chín) đối tượng trên đều dương tính với chất ma túy MDMA.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 07/3/2022, Nguyễn Trọng D, Bùi Văn V và Nguyễn Quang H cùng nhau ăn tại quán Lẩu Riêu ở đường P, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi ăn xong, Nguyễn Trọng D rủ Bùi Văn V và Nguyễn Quang H cùng đi hát karaoke và sử dụng ma túy, Bùi Văn V và Nguyễn Quang H đồng ý. Nguyễn Trọng D gọi điện thoại và nhắn tin qua ứng dụng Zalo rủ thêm được Nguyễn Thị Hằng N là nhân viên phục vụ quán karaoke cùng đi hát, còn Bùi Văn V gọi điện thoại đến quán Karaoke R đặt phòng hát. Sau đó, Nguyễn Trọng D cùng Bùi Văn V, Nguyễn Quang H đi taxi đến đón Nguyễn Thị Hằng N tại Số \*, đường L, phường H, thành phố L rồi cùng nhau đi đến quán Karaoke R. Khi vào phòng hát VIP 2, Bùi Văn V gọi 03 (ba) nhân viên nữ đến để hát cùng, một lúc sau Nguyễn Trọng D lấy từ trong túi áo ngực bên trái ra 01 (một) bao thuốc lá Hoàn Kiếm đựng 01 túi nilon chứa 06 viên ma túy “keo” (MDMA) màu hồng và 03 túi nilon đều chứa ma túy “ke” (Ketamine) đưa cho Bùi Văn V xem và nói cho Bùi Văn V biết bên trong bao thuốc là ma túy “ke, keo”, đồng thời Nguyễn Trọng D lấy 01 (một) viên ma túy “keo” ra sử dụng và để số ma túy còn lại trên bàn cho mọi người sử dụng rồi dùng điện thoại rủ Đinh Anh D và Đinh Hoài A đến quán hát. Khi Hà Thị T3 (nhân viên phục vụ) vào phòng hát, Nguyễn Quang H lấy 01 (một) viên ma túy “keo” của Nguyễn Trọng D sử dụng hết một nửa viên và đưa cho Hà Thị T3 sử dụng nửa viên còn lại. Cùng lúc đó, Bùi Văn V lấy 01 (một) nửa viên ma túy “keo” ra sử dụng, rồi lấy 01 (một) túi nilon chứa ma túy “ke” trong bao thuốc lá của Nguyễn Trọng D đưa cho Hà Thị T3 để xào cho mọi người trong phòng hát sử dụng. Bùi Văn V đưa cho Hà Thị T3 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng) để cuộn lại làm ống hút, Nguyễn Quang H đưa thẻ ATM ngân hàng MB của mình cho Hà Thị T3 để làm dụng cụ xào ma túy “ke”. Sau khi xào, kẻ thành các đường ma túy “ke” trên đĩa, Hà Thị T3 đặt đĩa ma túy trên bàn cùng tờ tiền 10.000đ (mười nghìn đồng) đã cuộn tròn cho mọi người lấy sử dụng. Khi Đinh Anh D và Đinh Hoài A vào phòng hát, thấy ma túy để trên bàn, Đinh Anh D tự sử dụng hai đường ma túy “ke”, Đinh Hoài A lấy 01 (một) viên ma túy “keo” sử dụng. Bùi Văn V lấy 01 (một) viên ma túy “keo” đưa cho Hà Thị T3, Hà Thị T3 bẻ làm đôi rồi đưa cho Bồn Thị L, Vì Thị T mỗi người nửa viên để sử dụng. Tiếp đó, Nguyễn Trọng D lấy từ trong túi áo bên phải ra 01 (một) túi nilon chứa 06 (sáu) viên ma túy “keo” màu xanh và 01 (một) túi nilon chứa ma túy “ke” ra đưa cho Bùi Văn V cầm đi mời mọi người sử dụng. Bùi Văn V cầm ma túy đi mời Đinh Hoài A sử

dụng, nhưng Đinh Hoài A không sử dụng thì Bùi Văn V để túi ma túy “keo, ke” xuống dưới nền nhà cạnh cục loa trầm. Khi thấy ma túy “ke” trên đĩa đã hết, Nguyễn Trọng D bảo Đinh Hoài A có ma túy thì lấy ra cho mọi người sử dụng. Đinh Hoài A lấy từ trong túi quần bên phải của mình ra 01 (một) túi nilon chứa ma túy “ke” đưa cho Hà Thị T3, Hà Thị T3 lấy đĩa sứ màu trắng đưa cho Vì Thị T. Vì Thị T chuyển chiếc đĩa cho Nguyễn Thị Hằng N. Nguyễn Thị Hằng N cầm đĩa, giấy vệ sinh và bật lửa đi vào phòng vệ sinh trong phòng hát đốt giấy hơi nóng đĩa rồi đưa lại chiếc đĩa cho Hà Thị T3. Hà Thị T3 đổ túi ma túy “ke” của Đinh Hoài A vừa đưa cho lên trên đĩa và dùng thẻ ATM của Nguyễn Quang H xào ma túy “ke”. Nguyễn Thị Hằng N đứng cạnh, dùng điện thoại của mình bật đèn flash soi cho Hà Thị T3 xào ma túy “ke” và kẻ ma túy thành từng đường nhỏ rồi Hà Thị T3 cầm đĩa mang đi mời mọi người trong phòng sử dụng, Nguyễn Thị Hằng N đi cùng dùng điện thoại của mình bật đèn flash soi cho mọi người sử dụng ma túy. Sau khi mọi người sử dụng ma túy xong thì Nguyễn Thị Hằng N tự sử dụng một đường ma túy “ke” do Hà Thị T3 kẻ. Hà Thị T3 tự sử dụng ba đường ma túy “ke” rồi để đĩa có một số đường ma túy “ke” còn lại để trên bàn trong phòng. Khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày, Công an thành phố L kiểm tra phát hiện, lập biên bản với nội dung như đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Bồn Thị L, chị Vì Thị T trình bày: Các chị là nhân viên phục vụ phòng hát. Tối ngày 07/3/2022, các chị được gọi đến phòng Vip 2 quán R để phục vụ, tại đó các chị đã sử dụng ma túy cùng mọi người. Ngoài ra, chị Vì Thị T còn trình bày, tại phòng hát Hà Thị T3 đưa đĩa sứ cho chị, chị đưa lại cho Nguyễn Thị Hằng N, Nguyễn Thị Hằng N cầm đĩa đi đâu đó rồi đưa cho Hà Thị T3, Hà Thị T3 đổ ma túy ra đĩa và xào cho mọi người sử dụng. Anh Đinh Anh D trình bày, tối ngày 07/3/2022, anh được Nguyễn Trọng D gọi đến phòng Vip 2 quán R để hát, khi đến đó anh đã sử dụng ma túy cùng mọi người. Ông Phạm Xuân T và vợ là bà Trần Thị Phương L trình bày: Ông Phạm Xuân T là chủ quán Karaoke R còn bà Trần Thị Phương L là người quản lý quán hát. Đêm ngày 07/3/2022, có khách đến thuê phòng Vip 2 để hát, ông bà không biết khách dùng phòng hát để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS, ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; truy tố Bùi Văn V, Nguyễn Quang H, Hà Thị T3 và Nguyễn Thị Hằng N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Đinh Hoài A về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trọng D, Nguyễn Quang H, Bùi Văn V, Đinh Hoài A, Nguyễn Thị Hằng N đều giữ nguyên lời khai đã trình bày tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng truy tố.

Bị cáo Hà Thị T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đều giữ nguyên lời khai đã trình bày tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn luận tội: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng D phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; các bị cáo Bùi Văn V, Nguyễn Quang H, Hà Thị T3, Nguyễn Thị Hằng N và Đinh Hoài A phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ thêm điểm i, khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51, Điều 55, của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng D;

Căn cứ thêm điểm h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Hoài A;

Căn cứ thêm điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Thị T3;

Căn cứ thêm Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hằng N;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng D từ 08 năm đến 09 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành cho cả hai tội từ 10 năm đến 11 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đinh Hoài A từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn V từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Hà Thị T3 từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hằng N từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng, đề nghị:

Tịch thu để tiêu hủy 03 (ba) phong bì niêm phong đựng mẫu vật sau giám định là chất ma túy; 01 (một) vỏ bao thuốc lá Hoàn Kiếm màu vàng bên trong có 05 (năm) điếu thuốc lá; 01 (một) thẻ ngân hàng MB màu xanh 4089041061414082 mang tên Nguyễn Quang H; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước 02cm x 2,5cm; 01 (một) vỏ lon nước Cocacola màu đỏ đã sử dụng; 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng đường kính 25cm;

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu tím than đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu tím đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu bạc đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đã qua sử dụng (lắp sim số 0968.238.913); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đã qua sử dụng (lắp sim số 0382.934.461); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng

Trả lại bị cáo Nguyễn Trọng D 01 (một) căn cước công dân số 020082003115 mang tên Nguyễn Trọng D. Trả lại bị cáo Nguyễn Quang H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu tím đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Đinh Hoài A 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đã qua sử dụng. Trả lại bị cáo Hà Thị T3 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đã qua sử dụng (lắp sim số 0968.238.913). Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Hà Thị T3 tranh luận:* Về tội danh và căn cứ buộc tội, đánh giá nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên bị cáo là người dân tộc thiểu số và thuộc hộ nghèo, do đó đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

*Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang H tranh luận:* Nguyễn Quang H không phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và không phạm tội đối với 02 người trở lên, nếu có hành vi phạm tội thì chỉ phạm tội Lôi kéo người khác sử dụng trái phép ma túy, vì Nguyễn Quang H không góp tiền mua ma túy để tổ chức sử dụng, không được Nguyễn Trọng D rủ đi sử dụng trái phép chất ma túy mà chỉ được rủ đi hát, Nguyễn Quang H không thực hiện hành vi theo chỉ đạo của người khác để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tại quán hát, Nguyễn Quang H có hành vi lấy 01 viên ma túy bẻ làm đôi và sử dụng một nửa viên, 01 nửa viên còn lại chỉ là tiện tay đưa cho Hà Thị T3. Khi Hà Thị T3 hỏi ai có thẻ ATM không thì Nguyễn Quang H đưa thẻ ATM của mình cho Hà Thị T3 chỉ là hành vi bột phát vì nếu không có thẻ ATM của Nguyễn Quang H thì Hà Thị T3 sẽ sử dụng vật khác để xào và kẻ ma túy như thìa hoặc vật khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Nguyễn Quang H không phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoặc tuyên phạm tội Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hà Thị T3 về việc áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Hà Thị T3, Viện kiểm sát chấp nhận nhưng vẫn giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị là từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang H cho rằng Nguyễn Quang H không phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoặc

chỉ phạm tội Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, nhận thấy: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Quang H thừa nhận sau khi ăn tối xong tại quán Lẩu riêu, Nguyễn Quang H đã đồng ý khi được Nguyễn Trọng D rủ đi hát và sử dụng ma túy. Nguyễn Quang H tiếp nhận ý chí của Nguyễn Trọng D thực hiện việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không có hành vi thể hiện sự từ chối hay ngăn cản Nguyễn Trọng D. Tại quán hát, Nguyễn Quang H có hành vi đưa ma túy của Nguyễn Trọng D cho Hà Thị T3 sử dụng, đưa thẻ ATM của mình cho Hà Thị T3 để làm dụng cụ xào và kê ma túy cho mọi người sử dụng. Do đó, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Quang H đồng phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với vai trò là người giúp sức, Viện kiểm sát giữ nguyên ý kiến, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang H.

Không ai có ý kiến tranh luận thêm. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa đều không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều trình bày: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Hà Thị T3 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt và đều đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra. Sự vắng mặt của bị cáo Hà Thị T3 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, Điều 292, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nói trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng, việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện, các tài liệu chứng cứ đã thu thập đều hợp pháp.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Hồi 23 giờ 20 phút ngày 07/3/2022, tại quán Karaoke R Số \*/\*\*, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, Nguyễn Trọng D, Bùi Văn V, Đinh Hoài A, Nguyễn Quang H, Hà Thị T3 và Nguyễn Thị Hằng N đã có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Nguyễn Trọng D còn có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy 2,739 gam chất ma túy MDMA và 1,809 gam chất ma túy Ketamine để sử dụng.



[4] Căn cứ vào Kết luận giám định số 106/KL-KTHS ngày 10/3/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, và kết quả kiểm tra chất ma túy trên cơ thể của 09 đối tượng bị kiểm tra, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Trọng D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; truy tố Bùi Văn V, Nguyễn Quang H, Hà Thị T3 và Nguyễn Thị Hằng N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Đinh Hoài A về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ tác hại của ma túy ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, biết hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật ngăn cấm nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[6] Để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[7] Về vai trò của các bị cáo: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau; trong đó bị cáo Nguyễn Trọng D là người khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cung cấp ma túy cho các đối tượng sử dụng, gọi người đến sử dụng trái phép chất ma túy nên có vai trò chính trong vụ án, các bị cáo còn lại tiếp nhận ý chí của Nguyễn Trọng D thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với vai trò là người giúp sức, cụ thể: Bị cáo Đinh Hoài A cung cấp ma túy cho mọi người sử dụng nên có vai trò sau bị cáo Nguyễn Trọng D; Bùi Văn V gọi điện thuê phòng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đưa ma túy cho Hà Thị T3 để Hà Thị T3 đưa cho Vì Thị T và Bồn Thị L sử dụng, đưa ma túy cho Hà Thị T3 để xào cho mọi người sử dụng và cung cấp tờ tiền 10.000 đồng cho Hà Thị T3 cuộn tròn lại dùng làm ống để cho mọi người hít ma túy, có vai trò sau bị cáo Đinh Hoài A; Nguyễn Quang H lấy ma túy đưa cho Hà Thị T3 sử dụng và đưa thẻ ATM của mình cho Hà Thị T3 để xào và kẻ ma túy cho mọi người sử dụng; Hà Thị T3 có hành vi đưa ma túy cho Vì Thị T và Bồn Thị L sử dụng, xào ma túy, cuộn tròn tờ tiền 10.000 đồng làm ống hít ma túy và mang ma túy đi mời mọi người sử dụng; Nguyễn Thị Hằng N có hành vi hơ nóng đĩa sứ để xào ma túy, cầm điện thoại của mình soi đèn flash cho Hà Thị T3 xào ma túy và soi cho mọi người sử dụng ma túy, có vai trò là người giúp sức thứ yếu.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có. Các bị cáo đồng phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với 02 người trở lên, là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều

255 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Đinh Hoài A, tại Bản án Số \*\*0/2013/HSST ngày 11/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Bản án số 178/2019/HSST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, cả hai bản án trên chưa được xóa án tích, lần này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự nên bị cáo có 02 tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Hà Thị T3 đang có thai, là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo là đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Trọng D có tham gia hoạt động hiến máu nhân đạo và hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, được Hội chữ thập đỏ tỉnh Lạng Sơn xác nhận nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Về nhân thân: Các bị cáo Bùi Văn V, Hà Thị T3 chưa từng bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật nên có nhân thân tốt. Các bị cáo Nguyễn Trọng D, Nguyễn Quang H, Đinh Hoài A, Nguyễn Thị Hằng N đã từng bị kết án hoặc bị xử lý hành chính nên có nhân thân chưa tốt.

[11] Từ những nhận định trên, thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo Hà Thị T3 và Nguyễn Thị Hằng N đều là nhân viên phục vụ phòng hát, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hà Thị T3 có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thị Hằng N phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể, do đó, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với bị cáo Nguyễn Trọng D phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, cần tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo Biên bản xác minh, các bị cáo đều không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về vật chứng:

[13.1] 03 phong bì niêm phong đựng chất ma túy còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành; 01 vỏ bao thuốc lá Hoàn Kiếm màu vàng bên trong có 05 điếu thuốc lá; 01 thẻ ngân hàng MB màu xanh 4089041061414082 mang tên Nguyễn Quang H; 01 túi nilon màu trắng kích thước 02cm x 2,5cm; 01 vỏ lon nước Cocacola màu đỏ đã sử dụng; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng là vật không có giá trị sử dụng và có liên quan đến tội phạm cần tịch thu tiêu hủy.

[13.2] 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu tím than đã qua sử dụng, số imei 359376091190323/00, lắp sim số 0877.011.635; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu bạc đã qua sử dụng, số imei 354957073888300, không kèm sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đã qua sử dụng, số imei 354379060630613, lắp sim số 0382.934.461; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Trọng D) có liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[13.3] Các giấy tờ cá nhân và tài sản không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho các bị cáo gồm: Trả lại bị cáo Nguyễn Trọng D 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng D. Trả lại cho bị cáo Đinh Hoài A 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đã qua sử dụng, số imei 867178043603154, không kèm sim. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang H 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu tím đã qua sử dụng, số imei 356646100848282 gắn sim số 0826.616. 626 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng, số imei 86786043823370, lắp sim số 0377.821.412. Trả lại cho bị cáo Hà Thị T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đã qua sử dụng, số imei 357263090848279, lắp sim số 0968.238.913.

[14] Đối với hai người phụ nữ đã bán ma túy cho Nguyễn Trọng D, do không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được để xử lý. Đối với Đinh Anh D, Bồn Thị L và Vì Thị T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với số ma túy thu giữ trên đĩa sứ, Đinh Hoài A khai nhận trước khi đi đến phòng hát đã cất giấu trong người 01 túi nilon chứa ma túy “ke”, là phần ma túy trước đó Đinh Hoài A với Nguyễn Trọng D cùng nhau sử dụng còn thừa, Nguyễn Trọng D đưa cho Đinh Hoài A cầm, nhưng Nguyễn Trọng D không thừa nhận. Đối với ông Phạm Văn T là chủ quán hát và vợ là bà Trần Thị Phương L là người quản lý quán hát không biết các bị cáo thuê phòng hát để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thành phố L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự và lĩnh vực y tế đối với ông Phạm Xuân T.

[15] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[16] Xét đề nghị của Viện Kiểm sát nhân thành phố L về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo và các nội dung khác là cơ bản là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Trọng D, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức đề nghị của Viện Kiểm sát.

[17] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Hà Thị T3 về việc áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Hà Thị T3 vì bị cáo là người dân tộc thiểu số và gia đình thuộc hộ nghèo là có căn cứ chấp nhận, tuy nhiên không chấp nhận xử dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát vì mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ. Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang H cho rằng Nguyễn Quang

H không phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoặc chỉ phạm tội Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy, thấy không có căn cứ chấp nhận vì Nguyễn Quang H đã có hành vi lấy ma túy đưa cho Hà Thị T3 sử dụng và đưa thẻ ATM của mình cho Hà Thị T3 để làm dụng cụ xào và kẻ ma túy cho mọi người sử dụng nên có đủ căn cứ xác định Nguyễn Quang H đồng phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy với vai trò là người giúp sức.

[18] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ thêm điểm i, khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng D;

Căn cứ thêm điểm h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Hoài A;

Căn cứ thêm điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Thị T3;

Căn cứ thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hằng N;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng D phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Bùi Văn V, Nguyễn Quang H, Hà Thị T3, Nguyễn Thị Hằng N và Đinh Hoài A phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng D 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành cho cả hai tội là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

2.2. Xử phạt bị cáo Đinh Hoài A 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

2.3. Xử phạt bị cáo Bùi Văn V 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

2.5. Xử phạt bị cáo Hà Thị T3 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giam là 27 (hai mươi bảy) ngày (từ ngày 09/3/2022 đến ngày 04/4/2022).

2.6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hằng N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/3/2022.

### 3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu để tiêu hủy 03 (ba) phong bì niêm phong đựng mẫu vật là chất ma túy sau giám định; 01 (một) vỏ bao thuốc lá Hoàn Kiếm màu vàng bên trong có 05 (năm) điều thuốc; 01 (một) thẻ ngân hàng MB màu xanh số 4089041061414082 mang tên Nguyễn Quang H; 01 (một) túi nilon màu trắng kích thước 02cm x 2,5cm; 01 (một) vỏ lon nước Cocacola màu đỏ; 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng đường kính 25cm;

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (mười nghìn đồng); Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu tím than đã qua sử dụng, số imei 359376091190323/00, lắp sim số 0877.011.635; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu bạc đã qua sử dụng, số imei 354957073888300, không lắp kèm sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đã qua sử dụng, số imei 354379060630613, lắp sim số 0382.934.461; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng (thu của Nguyễn Trọng D).

3.3. Trả lại bị cáo Nguyễn Trọng D 01 (một) căn cước công dân số 020082003115 mang tên Nguyễn Trọng D. Trả lại bị cáo Nguyễn Quang H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu tím đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đã qua sử dụng; Trả lại bị cáo Đinh Hoài A 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đã qua sử dụng; Trả lại bị cáo Hà Thị T3 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu vàng đã qua sử dụng lắp sim số 0968.238.913;

(Vật chứng nêu trên được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2022).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng D, Nguyễn Quang H, Bùi Văn V, Đinh Hoài A, Nguyễn Thị Hằng N, Hà Thị T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Trọng D, Đinh Hoài A, Bùi Văn V, Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Hằng N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Hà Thị T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Các bị cáo, NCQLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hứa Thị Thanh Xuyên**